CTCP Thực phẩm Lâm Đồng (HNX: VDL)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	12,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-4.0%	0%

DT thuần

2024

92.5 tỷ VNĐ

YoY
▼ 183
▼ 66.3%

LN gộp

2024

4.76 tỷ VNĐ

YoY
▲ 11.9
▲ 167%

LN thuần

2024

-6.94 tỷ VNĐ

YoY
▲ 24.8
▲ 78.1%

LN sau thuế

2024

-10.1 tỷ VNĐ

YoY
▲ 25.6
▲ 71.8%

ROE

2024

-5.8%

+/- YoY
▲ 13.0%

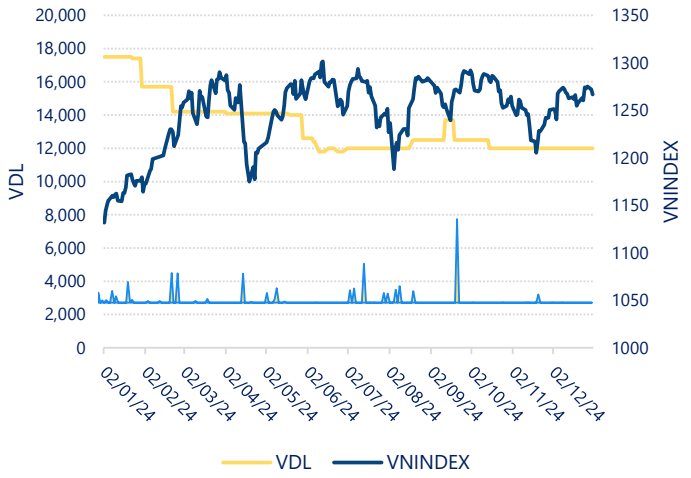
ROA

2024

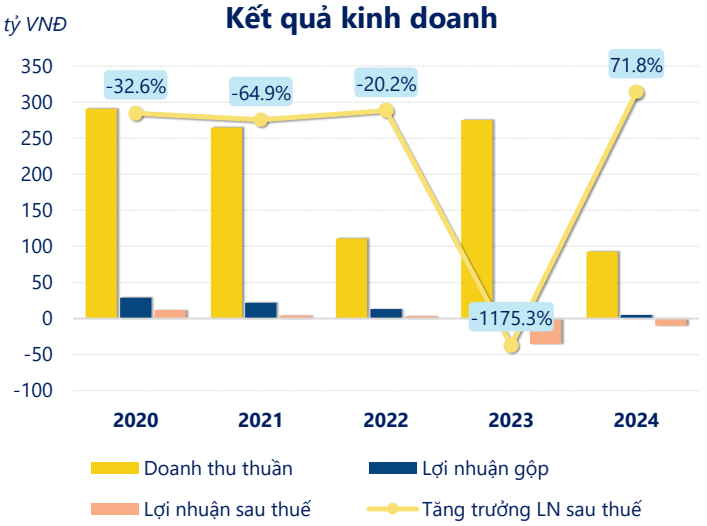
-5.5%

+/- YoY
▲ 11.4%

Lịch sử giá

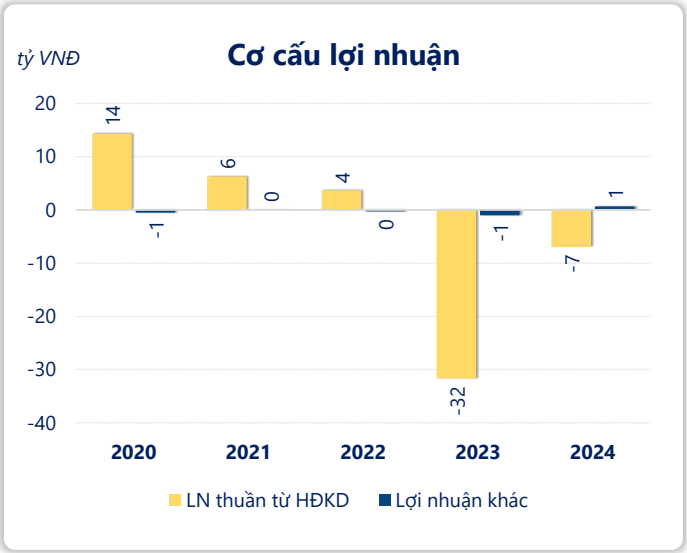


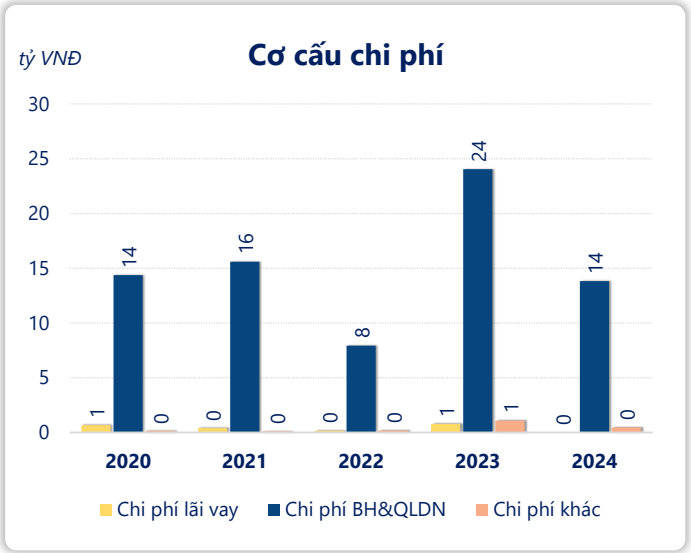
Kết quả kinh doanh



Năm **2024**, **VDL** ghi nhận doanh thu thuần **92.53** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **-10.06** tỷ đồng, lần lượt **giảm 66.3%** và **tăng 71.8%** so với năm trước.

Sự sụt giảm về doanh thu cùng với lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng -5.82% là dấu hiệu cảnh báo của tình hình kinh doanh đang xấu đi.

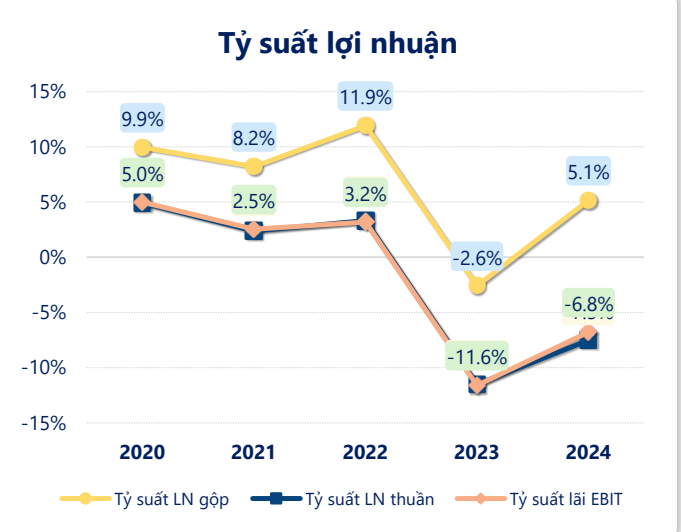


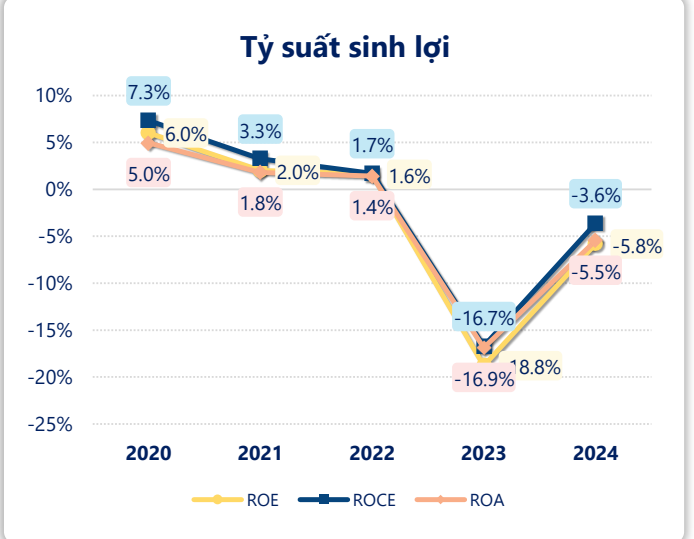


Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **VDL** năm **2024 tăng lên 24.73** tỷ so với năm trước, nhưng vẫn lỗ 6.94 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2023** là 31.68 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

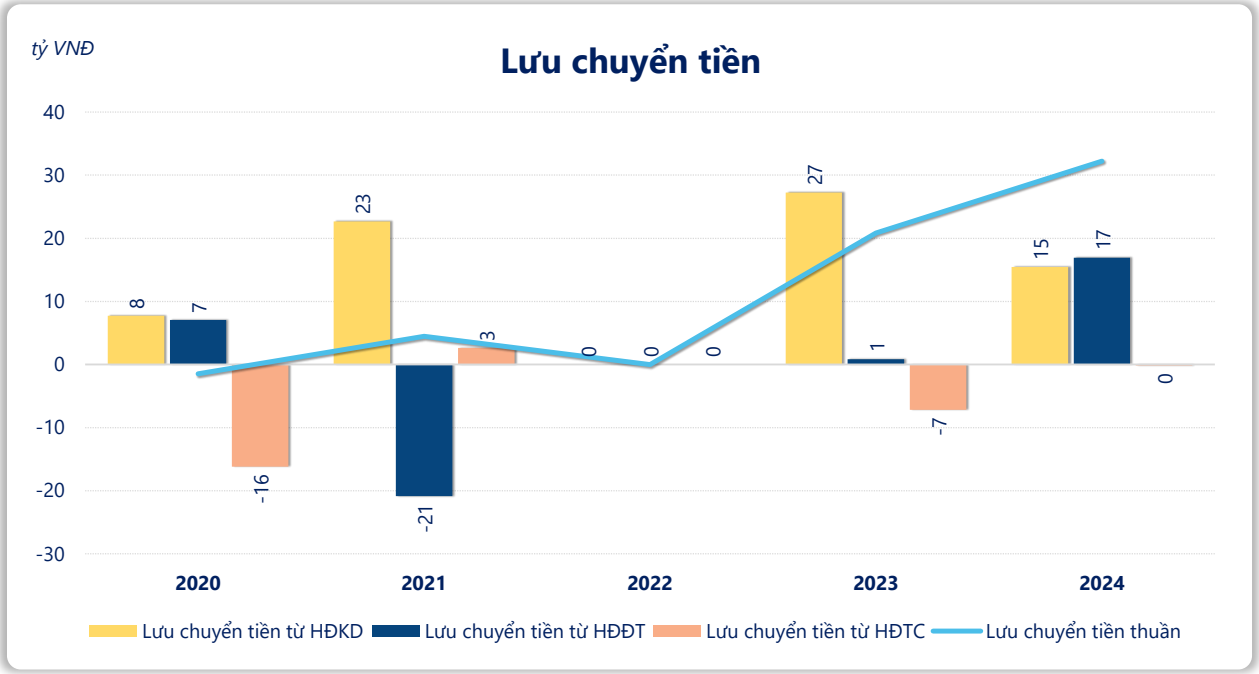
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **0.00** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **13.83** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.45** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của VDL năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **-5.82%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**291**	**265**	**111**	**275**	**92.5**
Giá vốn hàng bán	262	243	97.7	282	87.8
Lợi nhuận gộp	**28.9**	**21.7**	**13.2**	**-7.13**	**4.76**
Doanh thu HĐTC	1.17	1.16	0.43	1.37	2.21
Chi phí TC	1.39	0.99	2.05	1.88	0.09
Chi phí lãi vay	**0.68**	**0.41**	**0.16**	**0.77**	**0**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.19	7.00	3.00	9.28	2.92
Chi phí QLDN	9.18	8.58	4.92	14.7	10.9
LN thuần từ HĐKD	**14.3**	**6.27**	**3.68**	**-31.7**	**-6.94**
Lợi nhuận khác	-0.50	0.03	-0.32	-1.01	0.65
LN trước thuế	**13.8**	**6.31**	**3.36**	**-32.7**	**-6.29**
Lợi nhuận sau thuế	**11.8**	**4.15**	**3.32**	**-35.7**	**-10.1**
LNST của CĐ cty mẹ	**11.8**	**4.15**	**3.32**	**-35.7**	**-10.1**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VDL bằng **32.22** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (20.85 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **15.46** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **16.92** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-0.16** tỷ đồng.